

Bản án số: 67/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 17-8-2020

V/v ly hôn giữa ông T và bà T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LONG AN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ Toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Kim Sơn.

2. Bà Lâm Thị Ngọc Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thủy Tiên – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh L tham gia phiên tòa:
Bà Phan Thị Thơ - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2020/TLST – HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2020/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2020; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1975;

Địa chỉ: Ấp 2, xã L, huyện C, tỉnh L. *(có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)*

2. Bị đơn: bà Võ Thị Bích T, sinh năm: 1981;

Địa chỉ: Ấp 2, xã L, huyện C, tỉnh L. *(vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 17/02/2020 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày: ông và bà T cưới nhau năm 2002, do tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 16/4/2009 tại UBND xã L, huyện C. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc bình thường, đến khoảng năm 2012 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông phát hiện bà T có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, ông khuyên bà T nhiều lần nhưng không được, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ đó đến nay. Nay ông nhận thấy ông và bà T ly thân đã lâu và không còn khả năng hàn gắn nên yêu cầu được ly hôn với bà T.

Về nuôi con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Tấn T, sinh ngày 23/02/2009 hiện đang chung sống với ông. Khi ly hôn ông yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung vì ông đang đủ điều kiện nuôi con, có việc làm và thu nhập ổn định, ông không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng đều không có.

Ông T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

- Đối với bị đơn bà Võ Thị Bích T, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo phiên tòa họp lệ nhưng bà T không nộp văn bản nêu ý kiến và cũng không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải, phiên tòa.

- Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các bước tiến hành tố tụng như thông báo thụ lý, thông báo hòa giải giữa các đương sự nên việc Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Đối với bà Võ Thị Bích T, Tòa án đã tổng đạt các thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa họp lệ nhưng bà T không đến tham dự phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt ông T và bà Tuyền.

[2]. Về nội dung: Ông Nguyễn Văn T và bà Võ Thị Bích T chung sống với nhau vào năm 2002 và đăng ký kết hôn vào ngày 16/4/2009 tại UBND xã L, huyện C, tỉnh L là hôn nhân hợp pháp. Ông T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà T là quan hệ tranh chấp ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng theo ông T trình bày do bà T có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác dẫn đến vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn, ly thân từ 2012 đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng không quan tâm đến nhau và không có thiện chí hàn gắn với nhau. Do đó, nay ông T yêu cầu ly hôn với bà T. Đối với bà T, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng bà T vẫn không đến Tòa án để giải quyết cho thấy bà T không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng với ông Tầm.

[4]. Hội đồng xét xử xét thấy giữa ông T và bà T đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ; Áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, căn xử chấp nhận cho ông T được ly hôn với bà T .

[5]. Về con chung: ông T và bà T có 01 con chung tên Nguyễn Tấn T, sinh ngày 23/02/2009 hiện đang chung sống với ông Tầm, ông Tyêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, từ lúc vợ chồng ly thân đến nay con chung sống với ông Tđang có cuộc sống ổn định, mặt khác con chung cũng có nguyện vọng được sống với ông T nên ông T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung là phù hợp cần chấp nhận. Do ông T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét. Bà T không trực tiếp nuôi con nhưng được quyền đến thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Nếu bà T có căn cứ chứng minh ông T hạn chế quyền thăm nom con hoặc không bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng một vụ án khác.

[6]. Về chia tài sản chung và nợ chung ông T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

[7]. Về án phí: ông T phải chịu án phí theo qui định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về việc ly hôn đối với bà Võ Thị Bích T .

Về hôn nhân: ông Nguyễn Văn T được ly hôn với bà Võ Thị Bích T .

Về nuôi con chung: ông Tđược quyền tiếp tục trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Tấn T, sinh ngày 23/02/2009, bà T không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số

0008287 ngày 25/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh L. Ông T đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thùy Trang